

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Số: 119 /BC - TĐTB - P5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 - NĂM 2019



Yên Bái, ngày 20 tháng 1 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		248.689.319.795	582.281.076.283
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	35.685.593.416	79.328.695.146
111	1. Tiền		14.435.593.416	28.268.695.146
112	2. Các khoản tương đương tiền		21.250.000.000	51.060.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	39.459.000.000	408.676.500.000
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		39.459.000.000	408.676.500.000
				-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		101.178.149.291	90.092.415.994
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		98.936.256.317	79.632.459.686
132	2. Trả trước cho người bán		376.599.089	841.277.110
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	5	3.928.308.522	11.387.655.949
139	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.063.014.637)	(1.768.976.751)
140	IV. Hàng tồn kho	6	4.690.271.052	4.183.465.143
141	1. Hàng tồn kho		4.690.271.052	4.183.465.143
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		67.676.306.036	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		62.286.673.261	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	5.389.632.775	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.392.231.459.957	423.727.674.667
220	II. Tài sản cố định		1.147.021.849.042	344.425.784.719
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.130.352.623.764	327.383.457.505
222	- Nguyên giá		2.548.436.786.452	1.461.989.223.503
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.418.084.162.688)	(1.134.605.765.998)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	16.669.225.278	17.042.327.214
228	- Nguyên giá		20.680.322.400	20.635.322.400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.011.097.122)	(3.592.995.186)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		326.880.102	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	326.880.102	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		81.169.000.000	78.430.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.169.000.000	81.169.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(2.739.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		163.713.730.813	871.889.948
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		2.579.685.726	871.889.948
269	2 Lợi thế thương mại		161.134.045.087	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.640.920.779.752	1.006.008.750.950

04.
TY
HÃ
Đ
C
NH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		495.408.364.395	120.402.315.195
310	I. Nợ ngắn hạn		121.221.154.540	120.402.315.195
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		20.629.307.431	3.536.782.945
312	2. Người mua trả tiền trước		2.290.958.094	2.353.290.631
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.743.165.800	1.225.392.596
314	4. Phải trả người lao động		6.477.863.062	10.421.570.172
315	5. Chi phí phải trả	12	6.158.821.773	2.487.077.894
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	13	39.147.250.398	99.227.343.572
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		43.160.000.000	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.613.787.982	1.150.857.385
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		374.187.209.855	-
331	1. Phải trả dài hạn người bán dài hạn		-	-
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		374.187.209.855	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.145.512.415.357	885.606.435.755
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	976.805.052.940	885.606.435.755
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		341.805.052.940	250.606.435.755
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		335.886.407.621	140.309.192.410
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		5.918.645.319	110.297.243.345
429	13 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		168.707.362.417	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.640.920.779.752	1.006.008.750.950

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 4 năm 2019

Yên Bái, Ngày 20 tháng 01 năm 2020

Người lập

Kế Toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trung Hiếu

Lê Hồng Minh

Nguyễn Văn Quyền



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 4 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018	Lũy kế đến 31/12/2019	Lũy kế đến 31/12/2018
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	61.394.145.138	113.532.538.029	296.912.447.278	396.075.329.219
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		61.394.145.138	113.532.538.029	296.912.447.278	396.075.329.219
11	4. Giá vốn hàng bán	17	34.723.029.998	38.701.993.016	124.148.506.968	134.013.647.511
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.671.115.140	74.830.545.013	172.763.940.310	262.061.681.708
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	8.347.532.310	9.748.545.724	30.575.994.924	33.434.184.502
22	7. Chi phí tài chính	19	16.974.931.623	2.739.000.000	11.389.237.042	2.739.000.000
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		16.974.931.623		-	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					
25	9. Chi phí bán hàng					
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp		12.205.862.623	16.958.284.051	33.405.762.789	37.631.163.273
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.837.853.204	64.881.806.686	158.544.935.403	255.125.702.937
31	12. Thu nhập khác	20	235.936.255	952.725.000	566.868.802	1.150.739.384
32	13 Chi phí khác	21	464.994.640	471.502.027	496.053.442	507.835.359
40	14 Lợi nhuận khác		(229.058.385)	481.222.973	70.815.360	642.904.025



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 4 năm 2019

50	15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.608.794.819	65.363.029.659	158.615.750.763	255.768.606.962
51	16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(309.850.500)	12.334.125.450	30.510.880.497	50.221.363.617
52	17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
60	18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>5.918.645.319</u>	<u>53.028.904.209</u>	<u>128.104.870.266</u>	<u>205.547.243.345</u>
	19 Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	4.550.392.238		126.736.617.185	
	20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	1.368.253.081		1.368.253.081	
70	21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	72	835	1.996	3.182
71	22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu				

Người lập



Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng



Lê Hồng Minh



Yên Bái, Ngày 20 tháng 01 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2019
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		158.615.750.763	255.768.606.962
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		53.184.728.315	45.045.978.360
03	- Các khoản dự phòng		(2.444.962.114)	3.796.249.212
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(30.575.994.924)	(34.127.709.816)
06	- Chi phí lãi vay		14.128.237.042	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		192.907.759.082	270.483.124.718
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		114.728.004.924	(7.554.287.065)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(506.805.909)	214.217.548
11	-			
	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi v:		(601.500.460.084)	(6.283.921.612)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(826.128.524)	(725.213.724)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(64.194.731.653)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(35.098.798.715)	(49.049.385.588)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	21.580.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.000.333.268)	(2.196.169.569)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(397.491.494.147)	204.909.944.708
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(88.813.327.648)	(4.616.049.557)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	897.725.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(255.639.500.000)	(408.676.500.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của		445.557.000.000	323.577.281.448
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(15.554.015.995)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		36.874.828.875	30.393.038.778
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		122.424.985.232	(58.424.504.331)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		360.000.000.000	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.580.000.000)	-
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(126.996.592.815)	(82.311.800.438)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		231.423.407.185	(82.311.800.438)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 4 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2019
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(43.643.101.730)	64.173.639.939
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		79.328.695.146	15.155.055.207
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		<u>35.685.593.416</u>	<u>79.328.695.146</u>

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày tháng 01 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 20 tháng 02 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 635.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 635.000.000.000 đồng; tương đương 63.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là năng lượng điện

1.3 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

1.4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

1.5 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại ngày 31/12/2019, Công ty sở hữu trực tiếp 1 công ty con với thông tin cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum
- Địa chỉ: Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

1.6 . Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31/12/2019, Công ty sở hữu trực tiếp 1 công ty con với thông tin cụ thể như sau:

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở	Hoạt động tài chính trong năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	50,94%	50,94%	Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào cai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ 1

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.
Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

2.3 . Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn



Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm

- Quyền sử dụng đất

50 năm

2.9 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Nhóm Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và

- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.12 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

2.13 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông

2.14 . Các khoản thuế**Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

2.15 . Thông tin theo bộ phận

Do đặc thù của Nhóm Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 96% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

3 . HỢP NHẤT KINH DOANH

Mua Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum (“Công ty Mường Hum”)

Vào ngày 4 tháng 11 năm 2019, Công ty đã hoàn tất giao dịch mua 25.260.000 cổ phần, tương ứng với 50,94% vốn điều lệ của Công ty Mường Hum từ Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Vũ và các cá nhân gồm: ông Nguyễn Văn Ngọc, bà Nguyễn Thị Hằng, ông Nguyễn Anh Sơn và ông Nguyễn Anh Vũ với tổng giá phí là 337 tỷ VND. Công ty Mường Hum trở thành công ty con của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 4 năm 2019

Công ty Mường Hum là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300526931 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 17 tháng 6 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 6 ngày 22 tháng 10 năm 2019. Công ty này có trụ sở chính tại thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm của công ty này là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty mua Công ty Mường Hum với mục đích phát triển mảng sản xuất và kinh doanh điện năng của Công ty. Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Mường Hum tại ngày mua được trình bày dưới đây:

	Đơn vị tính: VND
	Giá trị ghi sổ ghi nhận tại ngày mua
Tài sản	
Tiền	284.445.984.005
Các khoản phải thu ngắn hạn	144.940.068.906
Tài sản ngắn hạn khác	55.142.847.188
Tài sản cố định	764.563.259.582
Tài sản dài hạn khác	881.667.254
	<hr/> 1.249.973.826.935
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	662.763.059.870
Vay	238.227.209.855
Phải trả khác	7.885.401.708
	<hr/> 908.875.671.433
	Đơn vị tính: VND
	Giá trị ghi sổ ghi nhận tại ngày mua
Tổng tài sản thuần theo giá trị ghi sổ [a]	341.098.155.502
Cổ đông không kiểm soát [b]	167.339.109.335
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh [c]	163.865.130.597
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán [d] = [a - b + c]	337.624.176.764
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	-
Tiền thu về từ công ty con	284.445.984.005
Tiền chi để mua công ty con	(300.000.000.000)
Tổng tiền thuần đã chi cho nghiệp vụ mua	<hr/> (15.554.015.995)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Mường Hum tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Mường Hum.

Kể từ ngày 4 tháng 11 năm 2019, Công ty Mường Hum đã đóng góp 2.789.002.319 VND vào lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty.

Doanh thu và lợi nhuận trước thuế của Công ty Mường Hum từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 4 tháng 11 năm 2019 tương ứng là 118.234.874.328 VND và 15.200.347 VND.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền mặt	318.928.903	186.143.543
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.066.664.513	28.082.551.603
Tiền đang chuyển	50.000.000	
Các khoản tương đương tiền (*)	21.250.000.000	51.060.000.000
	<hr/> 35.685.593.416	<hr/> 79.328.695.146

(*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VNĐ đến ngày 31/12/2019 tại ngân hàng có kỳ hạn 1 tuần đến 1 tháng và hưởng lãi suất từ 0,5%/năm đến 4,3%/năm.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 4 năm 2019

a	Chứng khoán kinh doanh	31/12/2019		01/01/2019	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
b1	Ngắn hạn				
-	Tiền gửi có kỳ hạn (**)	39.459.000.000	39.459.000.000	408.676.500.000	408.676.500.000
-	Trái phiếu	-	-	-	-
-	Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
		<u>39.459.000.000</u>	<u>39.459.000.000</u>	<u>408.676.500.000</u>	<u>408.676.500.000</u>

(**) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 6,5%/năm đến 7,4%/năm.

b2	Dài hạn	31/12/2019		01/01/2019	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
-	Đầu tư vốn góp vào đơn vị khác (***)	81.169.000.000	81.169.000.000	81.169.000.000	81.169.000.000
		<u>81.169.000.000</u>	<u>81.169.000.000</u>	<u>81.169.000.000</u>	<u>81.169.000.000</u>

(***) Tại ngày 31/12/2019

- Công ty đang nắm giữ 3.000.000 cổ phần tương đương 0,6% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Hải Phòng.

- Công ty đang nắm giữ 200.000 cổ phần tương đương 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Thủy điện Thái An.

5 PHẢI THU KHÁC

a	Ngắn hạn	31/12/2019		01/01/2019	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	1.500.000.000	-	-
	Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay		947.382.152	10.193.320.979	-
	Phải thu người lao động		510.942.564	352.916.709	-
	Ký quỹ, ký cược		-	323.812.110	-
	Phải thu khác		969.983.806	517.606.151	-
			<u>3.928.308.522</u>	<u>11.387.655.949</u>	-
b	Dài hạn		0		0

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 4 năm 2019

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.041.256.079		3.978.602.884	
Công cụ, dụng cụ	65.546.350		204.862.259	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	583.468.623		-	
	4.690.271.052		4.183.465.143	

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế Giá trị gia tăng	471.727.783	-
Thuế tài nguyên	14.909.509	-
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	3.953.792.768	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	949.202.715	-
	5.389.632.775	-

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

12
 NG
 F
 JY
 IÁ
 31

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 4 năm 2019

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, VND	Thiết bị, dụng cụ qu: VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2019	651.758.384.032	785.950.504.303	19.021.312.681	5.141.567.942	117.454.545	1.461.989.223.503
Mua sắm	61.684.669.346	21.911.283.636	786.600.000	1.426.199.212	-	85.808.752.194
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tặng do mua công ty con	631.481.682.818	363.492.841.366	4.341.224.972	489.962.644	833.098.955	1.000.638.810.755
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	1.344.924.736.196	1.171.354.629.305	24.149.137.653	7.057.729.798	950.553.500	2.548.436.786.452
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2019	474.717.318.443	641.630.935.963	13.494.805.524	4.686.046.395	76.659.673	1.134.605.765.998
Trích khấu hao	23.326.057.245	25.490.873.087	879.870.529	258.312.609	28.132.571	49.983.246.041
Tặng khác	56.730.312	-	-	-	-	56.730.312
Tặng do mua công ty con	134.481.456	231.941.496.841	389.202.042	316.004.470	657.235.528	233.438.420.337
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	498.234.587.456	899.063.305.891	14.763.878.095	5.260.363.474	762.027.772	1.418.084.162.688
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2019	177.041.065.589	144.319.568.340	5.526.507.157	455.521.547	40.794.872	327.383.457.505
Tại ngày 31/12/2019	846.690.148.740	272.291.323.414	9.385.259.558	1.797.366.324	188.525.728	1.130.352.623.764

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 4 năm 2019

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2019	20.558.322.400	77.000.000	20.635.322.400
Mua sắm	-	-	-
Tăng do mua công ty con	-	45.000.000	45.000.000
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	20.558.322.400	122.000.000	20.680.322.400
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2019	3.515.995.186	77.000.000	3.592.995.186
Trích khấu hao	411.166.452	2.500.000	413.666.452
Tăng do mua công ty con	-	4.435.484	4.435.484
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	3.927.161.638	83.935.484	4.011.097.122
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2019	17.042.327.214	-	17.042.327.214
Tại ngày 31/12/2019	16.631.160.762	38.064.516	16.669.225.278

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	0	-
Khác	326.880.102	-
	326.880.102	-

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019 VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	31/12/2019 VND
Thuế Giá trị gia tăng	363.084.614	24.633.050.364	25.467.861.761	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	634.125.450	30.510.880.497	35.098.798.715	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	0	5583388639	4798801435	784587204
Thuế Tài nguyên	202.465.111	28.804.981.174	29.022.355.794	-
Phí DVMTR	-	792.569.700	-	792569700
Thuê Thu nhập cá nhân	25.717.421	2.601.883.212	2.461.591.723	166.008.896
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	1.225.392.596	92.930.753.586	96.853.409.428	1.743.165.800

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	767.945.454	1.234.545.455
Chi phí phải trả khác	5.390.876.319	1.252.532.439
	6.158.821.773	2.487.077.894

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 4 năm 2019

b	Dài hạn			
c	Lợi thế thương mại			
				Đơn vị tính: VNĐ
				Công Ty Cổ Phần Thủy điện Mường Hum
	Nguyên giá:			
	Số đầu năm			-
	- Tăng trong năm			163.865.130.597
	Số cuối năm			163.865.130.597
	Phân bổ lũy kế:			
	Số đầu năm			-
	- Phân bổ trong năm			2.731.085.510
	Số cuối năm			2.731.085.510
	Giá trị còn lại			
	Số đầu năm			-
	Số cuối năm			161.134.045.087
13	. PHẢI TRẢ KHÁC			
a	Ngắn hạn			
		31/12/2019	01/01/2019	
		VND	VND	
	Kinh phí công đoàn, BHYT, BHTN, BHXH			
	Phải trả cổ tức cho cổ đông	157.449.249	95.404.042.064	
	Phải trả CTCP NL Sơn vũ	37.409.631.309	-	
	Phải trả, phải nộp khác	1.580.169.840	3.823.301.508	
		<u>39.147.250.398</u>	<u>99.227.343.572</u>	
b	Dài hạn			
c	Số nợ quá hạn chưa thanh toán			
14	. VỐN CHỦ SỞ HỮU			
a)	Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu			



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 4 năm 2019

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019	635.000.000.000	-	-	-	250.606.435.755	885.606.435.755
Tại ngày 01/01/2019	635.000.000.000	-	-	-	250.606.435.755	885.606.435.755
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	1.368.253.081	126.736.617.185	128.104.870.266
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Tặng do mua công ty con	-	-	-	167.339.109.336	-	167.339.109.336
Giảm vốn	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(3.788.000.000)	(3.788.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(31.750.000.000)	(31.750.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác (*)	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	635.000.000.000	-	-	168.707.362.417	341.805.052.940	1.145.512.415.357

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 4 năm 2019

b) Các quỹ công ty		
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>
15 . Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán		
Ngoại tệ các loại	31/12/2019	01/01/2019
- Đồng đô la Mỹ (USD)	363	363
16 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2019	31/12/2019
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	58.615.798.633	286.108.546.023
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.778.346.505	10.803.901.255
	<u>61.394.145.138</u>	<u>296.912.447.278</u>
	-	-
17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2019	31/12/2019
	VND	VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	34.397.981.157	120.648.567.745
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	325.048.841	3.499.939.223
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	<u>34.723.029.998</u>	<u>124.148.506.968</u>
	-	-
18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2019	31/12/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	5.847.532.310	23.325.994.924
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.500.000.000	7.250.000.000
	<u>8.347.532.310</u>	<u>30.575.994.924</u>
	-	-
19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2019	31/12/2019
	VND	VND
	<u>16.974.931.623</u>	<u>11.389.237.042</u>
20 . THU NHẬP KHÁC		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2019	31/12/2019
	VND	VND
	<u>235.936.255</u>	<u>566.868.802</u>
21 . CHI PHÍ KHÁC		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2019	31/12/2019
	VND	VND
	<u>464.994.640</u>	<u>496.053.442</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 4 năm 2019

22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý 4 năm 2019	Lũy kế đến 31/12/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	726.005.406	2.152.498.628
Chi phí nhân công	10.957.376.555	35.318.418.549
Chi phí khấu hao	11.179.953.852	44.392.728.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.193.549.207	5.932.273.282
Chi phí khác	20.872.007.601	69.758.350.334
	46.928.892.621	157.554.269.757

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 4 năm 2019	Lũy kế đến 31/12/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	250.156.852	747.273.312
Chi phí nhân công	4.579.811.650	14.166.834.897
Chi phí khấu hao tài sản cố định	654.342.213	2.364.930.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.798.468.474	3.588.887.617
Chi phí khác bằng tiền	4.923.083.434	12.537.836.241
	12.205.862.623	33.405.762.789

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 4 năm 2019	Lũy kế đến 31/12/2019
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(309.850.500)	30.510.880.497
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(309.850.500)	30.510.880.497

25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 97% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý:

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Phải thu tiền bán hàng			
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Trực thuộc Tập đoàn EVN	93.526.259.635	75.782.146.916

